

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY**

TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 59/HNGĐ-ST

Ngày 11/9/2020

V/v: *Tranh chấp Hôn nhân
và gia đình*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Tương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Sang và bà Vũ Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H1, sinh năm 1994. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Phạm Trung H2, sinh năm 1991. (Có đơn xin xử vắng mặt)

Đều trú tại: thôn T, xã B, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, chị H1 trình bày:

Chị và anh H2 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã B, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại

địa phương, do tính tình không hợp, mặt khác anh H2 lại nghiện ma túy nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cả hai đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đầu năm 2020 anh H2 bị bắt và bị xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H2.

Về con chung : Chị xác định chị và anh H2 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác định anh H2 không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn từ chối tiến hành hòa giải và đơn xin xử vắng mặt, anh H2 trình bày:

Anh và chị H1 tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã B, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, hiện tại anh bị xử phạt 08 năm tù nên không có thời gian quan tâm chăm sóc vợ, nay chị H1 xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị H1 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Anh và chị H1 không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do vụ án không tiến hành hòa giải được nên đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H2 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị H1 và anh H2 kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Hai bên đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp, hiện tại anh H1 bị xử phạt 08 tù giam về tội Mua bán trái phép chất ma túy, mặt khác anh chị đã có thời gian sống ly thân nhưng không ai có biện pháp gì để hàn gắn hôn nhân, như vậy có thể thấy hôn nhân của anh, chị chỉ còn là hình thức vì trên thực tế vợ chồng không còn sống chung cùng nhau, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Chị H1 xin ly hôn anh H2 là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H1

[3]. Về con chung:

Chị H1 và anh H2 xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị H1 và anh H2 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, Lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị H1 được ly hôn anh Phạm Trung H2.

2.Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết

4.Về án phí: Chị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị H1 đã nộp theo biên lai số 0002237 ngày 29/5/2020 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí, chị H1 đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh H2 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thái Thụy.
- THADS huyện Thái Thụy.
- TAND tỉnh Thái Bình.
- UBND xã B.
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thế Tương